	02 bằng 0. 0 * Hạ 2; 2 chia 7 được 0, viết 0 2 0 nhân 7 bằng 0; 2 trừ 0 bằng 2.
Lưu ý: Thương có chữ số 0, đây là phép chia có dư, nên số dư luôn luôn bé hơn số chia **Nếu từ lượt chia thứ hai trở đi ,nếu số bị chia bé hơn số chia thì ta được thương là 0** **muốn chia số có ba chữ số cho số có một chữ số ta làm như thế nào?**	**Đặt tính rồi tinh theo thứ tự từ trái sang phải**
C. Luyện tập - thực hành ***Bài 1:*** Tính	
	- 1 học sinh đọc yêu cầu của bài
Gọi hs nêu cách tính	1 hs nêu - 3học sinh lên bảng cột 1,2,4 **HS KG làm hết bài tập 1**
Nhận xét, ghi điểm	
Bài 2: Một năm có 365 ngày, mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi năm đó có bao nhiêu tuần lễ và mấy ngày ? HD tìm hiểu bài toán: Hỏi: 1 năm có mấy ngày ? 1 tuần lễ có mấy ngày ? Bài toán yêu cầu tìm cái gì ?	Đọc bài toán 365 ngày 7 ngày Năm đó có bao nhiêu tuần lễ và mấy ngày ? - 1 học sinh lên bảng cả lớp làm vào vở Bài giải Thực hiện phép chia: 365 : 7 = 52 (dư 1) Vậy 1 năm có 52 tuần lễ và 1 ngày. Đáp số: 1 năm có 52 tuần lễ và 1 ngày.
Nhận xét	
Bài 3: Đ, S ? a) 185 | 6 18 | 30 05 0 5 186 : 6 = 30 (dư 5)	b) 283 | 7 28 | 4 03 283 : 7 = 4 (dư 3)

Yêu cầu gì ? Hướng dẫn học sinh kiểm tra phép chia bằng cách thực hiện lại từng bước của phép chia. Sai ở bước nào ? hãy thực hiện lại cho đúng ? III. Củng cố - Dặn dò -Yêu cầu học sinh luyện tập về phép chia số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số. - Dặn dò, nhận xét tiết học IV.Bổ sung :…….. ……. …… ……	Điền Đ, S vào ô trống - Học sinh tự kiểm tra hai phép chia. - Phép tính a: đúng; phép tính b: sai - Phép tính b sai ở lần chia thứ 2. - 1 học sinh lên bảng thực hiện lại cho đúng

****

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
TỪ NGỮ VỀ CÁC DÂN TỘC
LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH

I.Mục tiêu :

Kiến thức: Mở rộng vốn từ về các dân tộc; kể tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta- Làm bài tập điền từ cho trước vào chỗ trống.Đặt câu có hình ảnh so sánh.

Kĩ năng: Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta(BT)
Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống(BT2)
Dựa theo tranh gợi ý, viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh(BT3).
Điền được từ ngữ thích hợp vào câu có hình ảnh so sánh.(BT4)

Thái độ: Có ý thức tìm hiểu về các dân tộc trên đất nước mình và biết tôn trọng những phong tục tập quán của họ.

II. Đồ dùng dạy học:

Giáo viên :Viết sẵn nội dung bài tập 2, 4. Bản đồ Việt Nam
Một số tranh ảnh các dân tộc thiểu số.

Học sinh: vở bài tập .

III. Các hoạt động dạy học :

HĐ của Giáo viên	HĐ của Học sinh

A. Kiểm tra bài cũ - Tìm câu có hình ảnh so sánh với nhau? – So sánh về đặc điểm gì? B. Bài mới 1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu và nêu yêu cầu tiết học 2.Hướng dẫn làm bài tập.	- 3 học sinh lên bảng thực hiện yêu cầu
Bài 1: Hãy kể tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết Gợi ý: Em hiểu thế nào là dân tộc thiểu số? Họ sống ở đâu? GV bổ sung: Ở MB: Mường, Thái, Tày, Nùng, Dao, Mèo(H' mông)... Ở M.Trung: Vân kiều, Cơ ho, Ê- đê, Ba na, Gia-rai, Xơ Đăng, Chăm, Rục... Ở MN: Khơ me, Xtiêng....	- 2 học sinh đọc yêu cầu - Là dân tộc ít người . Sống ở vùng núi, cao nguyên. - 2 học sinh lên bảng . Cả lớp viết vào vở tên các dân tộc thiểu số. - Đọc bài trên bảng - Bổ sung.
Bài 2: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống (GV treo bảng phụ có nội dung BT2- Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài) - Xem tranh ruộng bậc thang, nhà rông, nhà sàn, giải nghĩa từ… Nhận xét	- 2 học sinh đọc yêu cầu - 1 học sinh đọc từ trong ngoặc đơn. - 1 học sinh lên bảng. Cả lớp làm vào vở. Đáp án: a) bậc thang; b).nhà rông c). nhà sàn; d).Chăm Nhận xét
Bài3:Quan sát từng cặp sự vật(tranh vẽ SGK) rồi viết những câu có hình ảnh so sánh các sự vật trong tranh. HD : Tìm điểm chung giữa các cặp sự vật Nêu yêu cầu : Quan sát và đặt câu có hình ảnh so sánh. - Nhận xét	- 1 học sinh đọc yêu cầu – Nêu tên các cặp sự vật trong tranh. - Thảo luận theo nhóm 2 T1: h1, Tổ2 : h2, Tổ 3: h3, Tổ 4: h4 Đáp án: Tranh 1:Trăng tròn như quả bóng Tranh 2:Bé cười tươi như đoá hồng buổi sớm. Tranh 3:Đèn điện sáng như sao trên trời. Tranh 4: Đất nước ta cong cong như hình chữ S
Bài 4:Tìm những từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống:	- 1 học sinh đọc yêu cầu

a) Công cha nghĩa mẹ được so sánh như..., như.... b) Trời mưa, đường đất sét trơn như... c) Ở thành phố có nhiều toà nhà cao như.. Yêu cầu học sinh đọc câu ca dao đã học GV: Nhận xét IV. Củng cố - Dặn dò - Nhắc lại tên các dân tộc thiểu số nước ta. - Dặn học sinh về nhà tìm thêm tên các dân tộc thiểu số ngoài các tên vừa nhắc. - Nhận xét tiết học. V.Bổ sung :…….. …… …….. …… …….	- 1 học sinh đọc câu a - 1 HS lên bảng – Cả lớp điền vào VBT - Đọc lại bài làm. * Tiến hành tương tự với câu b,c - Nhận xét 3-4 HS nhắc lại: MB: Mường, Thái, Tày, Nùng, Dao, Mèo(H' mông)... Ở M.Trung: Vân kiều, Cơ ho, Ê- đê, Ba na, Gia-rai, Xơ Đăng, Chăm, Rục... Ở MN: Khơ me, Xtiêng....

****

TOÁN

GIỚI THIỆU BẢNG NHÂN

I. <u>Mục tiêu</u>: Giúp học sinh

Kiến thức: Nhận biết cấu tạo bảng nhân.

Kĩ năng: Biết cách sử dụng bảng nhân.

Thái độ: Chăm chỉ, tự giác trong học toán và say mê tìm hiểu điều lí thú của toán học.

II. <u>Đồ dùng dạy học</u>

Giáo viên : Bảng nhân như sách giáo khoa

III. <u>Các hoạt động dạy học:</u>

HĐ của Giáo viên	HĐ của Học sinh
A. Giới thiệu bài: GV giới thiệu và nêu yêu cầu tiết học. Nêu mục tiêu giờ học và ghi tên bài lên bảng B Các hoạt động Hoạt động 1: Giới thiệu bảng nhân - Treo bảng nhân như SGK lên bảng -Yêu cầu HS đếm số hàng, số cột trong bảng -Đọc các số trong hàng cột đầu tiên của bảng -GT: Đây là các thừa số trong bảng nhân đã học	- Lắng nghe - Có 11 hàng và 11 cột - Đọc các số 1, 2,3.,…..,10.

-Yêu cầu đọc hàng thứ 3 -Học sinh nêu các hàng tiếp theo là kết quả phép tính trong bảng nhân mấy? Kết luận: Hàng 1:Bảng x1 Hàng 2:Bảng x2 Hoạt động 2: Hướng dẫn sử dụng bảng nhân -Tìm kết quả 3x 4 Hướng dẫn : Tìm số 3 cột 1 (hàng 1) Tìm số 4 ở hàng 1 (cột 1) gặp nhau ở ô12. 12 là tích 3 x 4 Hoạt động 3: Luyện tập -Thực hành Bài 1:Dùng bảng nhân để tìm số thích hợp ở ô trống(theo mẫu):	-Đọc 2,4,6,8.10,….20. -Các số trên là kết quả của các phép tính trong bảng nhân 2. -Trả lời -Thực hành tìm tích của 3 và 4. - 3- 5 em lên bảng chỉ vào bảng nhân và tìm cách tích khác. - Học sinh tự tìm tích trong bảng nhân sau đó điền vào ô trống . - 3 học sinh lần lượt trả lời - Nhận xét

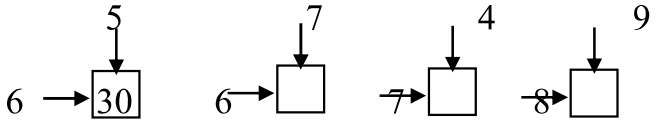

Nhận xét_ghi điểm.

Bài 2. Số ?

Thừa số	2		2	7	7		10		
Thừa số	4	4		8		8	9	9	10
Tích		8	8		56	56		90	90

Bài 3:Trong Hội khỏe Phù Đổng, đội tuyển của một tỉnh đã giành được 8 huy chương vàng, số huy chương bạc nhiều gấp 3 lần số huy chương vàng. Hỏi đội tuyển đó đã giành được tất cả bao nhiêu huy chương ? - Bài tập thuộc dạng nào?	- 1 học sinh đọc yêu cầu đề - Giải 2 phép tính - 1 HS lên bảng cả lớp làm vào vở bài tập Bài giải: Số huy chương bạc là : 8 x 3 = 24 (huy chương) Tổng số huy chương là: 24 + 8 = 32 (huy chương) Đáp số: 32 huy chương
Iv) Củng cố - Dặn dò - Yêu cầu học sinh luyện tập thêm về các phép nhân đã học . - Nhận xét tiết học	- Đọc lời giải - Nhận xét – chữa bài

V.Bổ sung :……. …… …….. …….	

****

TỰ NHIÊN & XÃ HỘI

HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

I. Mục tiêu: Giúp HS

Kiến thức: Nhận biết các hoạt động nông nghiệp và lợi ích của nó.

Kĩ năng:Kể tên một số hoạt động nông nghiệp.Nêu lợi ích của các hoạt động nông nghiệp.

Thái độ: Biết kính trọng những người làm các công việc về hoạt động nông nghiệp. Họ đã làm ra lúa gạo, của cải vật chất,... nuôi sống con người.

KNS : tìm kiếm và xử lí thông tin, giao tiếp

II. Đồ dùng dạy học:

Giáo viên:

Các hình trang 58,59 sách giáo khoa.

Tranh ảnh sưu tầm về các hoạt động nông nghiệp.

Học sinh :Tranh ảnh sưu tầm, vở bài tập.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

HĐ của Giáo viên	HĐ của Học sinh
1. Giới thiệu bài: 2. Các hoạt động ***Hoạt động 1:*** Thảo luận nhóm. Bước 1: Làm việc theo nhóm . Nêu yêu cầu. Bước 2: Hoạt động cả lớp. Nhận xét - Bổ sung Kết luận:Các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi tròng thuỷ sản, trồng rừng,... dược gọi là hoạt động nông nghiệp ***Hoạt động 2:*** Thảo luận theo cặp. * Cách tiến hành Bước 1: Hoạt động nhóm. Nêu yêu cầu Bước 2: Làm việc cả lớp.	 - Thảo luận theo nhóm 4. Quan sát tranh 58,59 thảo luận: + Kể tên các hoạt động trong hình? + Nêu lợi ích của hoạt động nông nghiệp. - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét. Nghe - Làm việc theo nhóm đôi. - Kể cho nhau nghe. * Một số hoạt động nông nghiệp ở tỉnh, nơi em đang sống. - Báo cáo kết quả thảo luận.